

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Xuân Thắng, xã Quảng Ngọc,
huyện Quảng Xương của Ban quản lý dự án
đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Theo Nghị quyết 138/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 Hội đồng nhân dân Huyện Quảng Xương phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Xuân Thắng, xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương;

Xét Văn bản số 9593/STNMT-BVMT ngày 16/10/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Xuân Thắng, xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1612/Tr-STNMT ngày 15/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Xuân Thắng, xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương (sau đây gọi là Dự án) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật

Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Xuân Thắng, xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Quảng Ngọc (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Xuân Thắng, xã Quảng Ngọc,
huyện Quảng Xương của BQLDA đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Xuân Thắng, xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương.
- Địa điểm thực hiện: xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương.
- + Đại diện: (Ông) Mai Đình Thủy Chức vụ: Giám đốc ban.
- + Địa chỉ liên hệ: Tầng 3, Trung tâm VH-TT-TD huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

a. Phạm vi dự án: Khu đất lập dự án đầu tư có diện tích 64.942,48 m², thuộc địa giới hành chính thôn Xuân Thắng, xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; ranh giới được xác định như sau:

- + Phía Bắc: Giáp đường giao thông liên xã Quảng Ngọc – Quảng Phúc;
- + Phía Nam: Giáp Mường tiêu;
- + Phía Đông: Giáp đất nông nghiệp;
- + Phía Tây: Giáp đất dân cư hiện hữu.

b. Quy mô, công suất dự án:

Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Xuân Thắng, xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương; bao gồm các hạng mục: giao thông, san nền, cấp nước, thoát nước, cấp điện sinh hoạt và điện chiếu sáng, quy hoạch thoát nước thải và thu gom chất thải rắn.

- Quy mô sử dụng đất của dự án là 64.942,48 m², trong đó: Đất ở liền kề là 21.506,02 m² xây dựng 175 lô nhà ở liền kề quy mô tối đa 5 tầng; Đất ở kiểu nhà vườn biệt thự là 5.030,44 m² xây dựng 17 lô quy mô tối đa 5 tầng; Đất bãi đỗ xe là 1.522,96 m²; Đất thương mại là 988,80 m²; Đất cây xanh TDTT là 3.224,27 m²; Đất cây xanh cách ly là 2.707,92 m²; Đất nhà văn hóa: 743,68 m²; Đất XLNT + tập kết CTR là: 539,72 m²; Đất giao thông, vỉa hè: 28.678,67 m².
- Quy mô dân số: Khoảng 600 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục xây dựng gồm: Hệ thống giao thông, Hệ thống cấp nước, thoát nước mưa, nước thải, cấp điện và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật khác.
- Hoạt động của dự án:

- + Giai đoạn thi công: Thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án;
- + Giai đoạn vận hành: Thi công các công trình nhà ở; hoạt động của khu dân cư, khu vực công cộng;

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Các tác động chính của dự án phát sinh trong giai đoạn xây dựng từ các hoạt động giải phóng mặt bằng, thi công đường, thi công hệ thống thoát nước, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng... Các hoạt động này sẽ phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung,...; tác động đến dân cư và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

- Các tác động chính của dự án phát sinh trong giai đoạn vận hành từ các hoạt động xây dựng công trình nhà ở, sinh hoạt của người dân trong khu vực dự án, hoạt động của khu vực công cộng, giao thông đi lại trên các tuyến đường,... Các hoạt động này sẽ phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại...; tác động đến dân cư, môi trường tự nhiên và các yếu tố xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $2,6\text{m}^3/\text{ngày}$ gồm: nước thải vệ sinh khoảng $1,3\text{m}^3/\text{ngày}$; nước rửa tay, chân khoảng $1,3\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, động thực vật, Coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng $2,6\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công $287,04\text{lit/s}$. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

- Bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật gồm: Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án, bụi cuốn theo lốp xe. Thành phần gồm: bụi vô cơ, khí CO , SO_2 , NO_2 .

- Bụi và khí thải từ hoạt động thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật gồm: bụi từ đào đắp trên công trường, trút đổ nguyên vật liệu, thi công công

trình, bụi và khí thải từ các máy móc thiết bị tiêu thụ dầu DO. Thành phần gồm: bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂.

3.1.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 17,0 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Khối lượng phát quang thảm phủ thực vật: 29,5 tấn.

- Tổng khối lượng đất bóc hữu cơ, bùn nạo vét là: 21.082,61m³.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình xây dựng vật liệu rời như cát, đá dự kiến khoảng 196,12 tấn.

- Chất thải rắn từ các loại vật liệu sử dụng trong quá trình thi công như mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng,...: 6,45 tấn.

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải rắn nguy hại phát sinh gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa...khối lượng khoảng 48,0 kg/cả quá trình thi công.

3.1.5. Tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động thi công của các máy móc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm: người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường và người dân tham gia giao thông qua khu vực dự án.

3.2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Lưu lượng nước mưa chảy tràn khoảng 270,0 lit/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

- Nước thải sinh hoạt: Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt là 97,49 m³/ngày. Trong đó: Nước thải vệ sinh: 29,84 m³/ngày; Nước thải ăn uống: 19,2 m³/ngày; Nước thải tắm giặt: 48,45 m³/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform, dầu mỡ...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

Bụi và khí thải trong giai đoạn vận hành của dự án chủ yếu phát sinh từ: Hoạt động của phương tiện giao thông; hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình; mùi hôi từ công trình xử lý nước thải và chất thải rắn; hoạt động xây dựng của các hộ gia đình. Phạm vi tác động chủ yếu trong khuôn viên dự án. Thành phần khí thải chủ yếu: NO₂, SO₂, CO,...

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải phát sinh từ sinh hoạt của các hộ dân khoảng 603,6 kg/ngày.đêm. Trong đó: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: 120,72 kg/ngày.đêm; chất thải thực phẩm là 422,52 kg/ngày.đêm; chất thải rắn sinh hoạt khác (bao gồm: lá cây, tranh ảnh, gỗ, túi ni lông, vỏ thuốc, vỏ bánh kẹo và chất thải tro như thủy tinh, sành...) khối lượng là 60,36 kg/ngày.đêm.

- Chất thải rắn từ các công trình công cộng bao gồm lá cây, đất, cát...có khối lượng khoảng 50,0 kg/ngày.

- Chất thải rắn từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chủ yếu là bùn thải từ quá trình nạo vét khơi thông cống rãnh thoát nước có khối lượng 89,0kg.

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt khoảng 11,52 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải,...

3.2.4. Các tác động khác:

- Khi dự án đi vào hoạt động sẽ làm gia tăng các nguy cơ mất ANTT trong khu vực, phát sinh mâu thuẫn giữa các hộ dân trong quá trình sinh sống.

- Các rủi ro, sự cố môi trường: Rủi ro, sự cố cháy, nổ; Rủi ro, sự cố trạm biến áp, đường điện; Rủi ro, sự cố hư hỏng hệ thống xử lý chất thải; Rủi ro, sự cố an ninh trật tự tại khu vực dự án; Rủi ro, sự cố phát tán dịch bệnh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân có lưu lượng 1,3 m³/ngày thu gom về hố lắng tạm kích thước: 2,0m x 1,5m x 1,0 m cùng với nước thải rửa xe, hố được lót đáy và thành chống thấm bằng vải địa kỹ thuật (HDPE), trước khi thoát vào rãnh thoát nước mưa hiện trạng phía Đông dự án.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh lưu lượng 1,3m³/ngày: Thuê 03 nhà vệ sinh di động để thu gom, kích thước: Bể chứa chất thải: 500 lít; Bể chứa nước dự trữ: 400 lít. Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 02 ngày/lần) đem đi xử lý.

b. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn:

- Không tập trung các loại vật liệu gần các mương thoát nước. Trong quá trình thi công thường xuyên kiểm tra, nạo vét các tuyến kênh mương thoát nước tạm đảm bảo quá trình thoát nước tốt không gây ngập úng.

- Che chắn khu vực thi công, phân luồng nước mưa chảy tràn, hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Nhà thầu thi công cần phải thu dọn các chất rơi vãi trong khi san lấp, đào móng hạn chế các chất rơi vãi bị cuốn theo nước mưa.

- Đối với các ô bị ngăn cách bởi hệ thống đường giao thông của dự án ngoài việc thi công san nền tạo độ dốc thiết kế, đào thêm các mương thông thủy

có kích thước 0,3 x 0,4m, trên các đường thoát nước cứ khoảng 50 m bố trí một hố thu có thể tích 0,7m x 0,7m x 0,5m để làm nhiệm vụ lắng sơ bộ các chất rắn lơ lửng trước khi chảy vào rãnh thoát nước mưa hiện trạng phía Đông dự án.

- Thường xuyên khơi thông, nạo vét cống, rãnh, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

c. Các biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

Nước thải rửa xe, rửa dụng cụ thi công khoảng 2,6 m³/ngày: thu gom và xử lý bằng hố lắng tạm kích thước 2,0m x 1,5m x 1,0 m, dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành chống thấm. Sau đó thải ra rãnh thoát nước mưa hiện trạng phía Đông dự án.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tách riêng hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải; không làm thất thoát nước thải ra môi trường đất, nước mặt và vào hệ thống thoát nước mưa. Đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công.

4.1.2. Các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính,...theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Thực hiện phát quang thực vật đến đâu, vận chuyển đưa đi đổ thải đến đó để tránh phát tán bụi và mùi gây ảnh hưởng đến các khu vực lân cận.

- Điều tiết xe phù hợp để tránh làm gia tăng mật độ xe, nhất là vào các giờ cao điểm trong ngày (từ 7h-8h, từ 11h-12h, từ 16h30-17h30), bằng cách chia ca tan làm cách nhau 10 phút.

- Bố trí công nhân quét dọn vệ sinh khu vực công trường, tuyến đường ra vào dự án (tuyến đường liên xã phía Bắc dự án và các tuyến đường dân sinh khác) khi thấy có đất, cát vương vãi.

- Phun nước làm ẩm, giảm bụi với tần suất 03 lần/ngày trong những ngày vận chuyển nguyên vật liệu, tăng tần suất phun tưới nước lên nếu thấy bụi xuất hiện nhiều trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu.

- Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hoá tới mức tối đa, các máy móc thi công hiện đại và hiệu suất sử dụng nhiên liệu cao nhằm hạn chế phát sinh bụi từ khí thải.

- Lắp dựng rào tôn xung quanh khu vực thi công dự án để ngăn cách giữa khu vực thi công dự án và các khu vực xung quanh, LxH = 1.605 x 2,5 (m);

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quản lý, giám sát và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng.

4.1.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn

a. Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

- Thực hiện phân loại rác thải tại nguồn: Rác thải sinh hoạt có thể tái chế và rác thải sinh hoạt không tái chế.

- Chất thải rắn sinh hoạt không thể tái chế thu gom riêng vào các thùng 30lít (02 thùng), hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển với tần suất 01 lần/ngày; chất thải rắn sinh hoạt có thể tái chế thu gom riêng vào thùng nhựa composite 30 lít (01 thùng) đặt tại khu vực lán trại công nhân và bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

b. Đối với chất thải rắn xây dựng:

- Đối với khối lượng phát quang thảm phủ thực vật thuê tổ thu gom rác thải sinh hoạt địa phương vận chuyển xử lý.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình xây dựng vật liệu rời như cát, đá dự kiến khoảng 196,12 tấn trong toàn bộ thời gian thi công: thu gom sau mỗi ca làm việc, tận dụng làm vật liệu san nền tại dự án.

- Đối với đất bóc hữu cơ, bùn nạo vét khối lượng 21.082,61 m³ được tận dụng để san lấp mặt bằng khu vực trồng cây xanh.

- Chất thải rắn từ các loại vật liệu sử dụng trong quá trình thi công như mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng,...: 7,48 tấn, được thu gom riêng và bán cho các cơ sở phế liệu trên địa bàn.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh phải thu gom, phân định, phân loại tại nguồn, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

+ Tổ chức thu gom, vận chuyển, đổ thải phế thải, chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động của dự án vào đúng các vị trí được chính quyền địa phương chấp thuận, bảo đảm các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường. Trường hợp đất đá đào trong phạm vi Dự án nếu được xác định là vật liệu xây dựng để đắp cho công trình, thực hiện thủ tục đăng ký, tận thu theo quy định của Luật Khoáng sản các quy định của pháp luật khác có liên quan.

c. Chất thải nguy hại

Trang bị 2 thùng chuyên dụng 50 lít/thùng để thu gom. Các thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, bên ngoài thùng có biểu tượng cảnh báo nguy hại, có dán nhãn mác và đặt trong nhà kho diện tích khoảng 10m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và bảo đảm toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng luôn được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4.2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong giai đoạn thi công và vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường đối với nước thải:

a. Đối với nước mưa chảy tràn:

- Trách nhiệm của chủ đầu tư:

Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn bằng hệ thống mương thoát nước nội bộ B500, có bố trí các hố ga và có lưới chắn rác, nắp và lưới chắn rác sử dụng bằng gang đúc sẵn, sau đó nước được thoát ra cống thoát nước chung hiện có của khu vực.

- Trách nhiệm của UBND xã Quảng Ngọc:

+ Yêu cầu các hộ dân khi thi công xây dựng nhà phải xây dựng hệ thống thoát nước mưa phù hợp để đấu nối với hệ thống thoát nước mưa của khu dân cư.

+ Hợp đồng với đơn vị chức năng nạo vét định kỳ các hố ga để loại bỏ rác, cặn lắng, bùn thải, vận chuyển xử lý đúng quy định.

- Trách nhiệm của các hộ dân:

Xây dựng hệ thống thoát nước mưa phù hợp để đấu nối với hệ thống thoát nước mưa của khu dân cư.

b. Nước thải sinh hoạt:

- Trách nhiệm của chủ đầu tư:

+ Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom thoát nước thải tách riêng với hệ thống thoát nước mưa, đặt sẵn các vị trí chờ đấu nối tại mỗi hộ gia đình để sau này các hộ gia đình vào đầu tư sẽ đấu nối vào đường ống chờ này và thoát nước vào hệ thống thoát nước thải do Chủ đầu tư xây dựng.

+ Xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 110 m³/ngày.đêm để xử lý nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành dự án.

- Trách nhiệm của các hộ dân:

Mỗi hộ dân xây dựng, lắp đặt thiết bị tách dầu mỡ inox để xử lý sơ bộ nước thải nhà bếp và xây dựng bể tự hoại dung tích 3m³ để xử lý sơ bộ nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện). Toàn bộ nước thải sau xử lý sơ bộ được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải dự án, sau đó chảy vào hệ thống cống tròn BTCT D300 và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 110m³/ngày.đêm để xử lý. Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tập trung được thoát ra mương thoát nước hiện trạng phía Đông dự án.

4.2.2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường đối với bụi và khí thải:

- Trách nhiệm của chủ đầu tư:

+ Thiết kế hệ thống cây xanh dọc theo các tuyến giao thông nội bộ, trồng phân tán các loại cây có tán rộng, thân thẳng, trổ hoa đồng loạt và theo mùa tạo nét văn hóa đặc trưng riêng cho khu dân cư.

+ Quy định rõ ràng, cụ thể về việc tuân thủ công tác bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng của các hộ dân.

+ Thường xuyên giám sát, kiểm tra hoạt động xây dựng của các hộ dân.

+ Xây dựng hệ thống thu gom nước thải của dự án kiên cố, có nắp đậy

bằng betong, có ống thoát khí, nhằm hạn chế sự phát tán mùi hôi.

- Trách nhiệm của UBND xã Quảng Ngọc:

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng, thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực dọc tuyến đường nội bộ của khu dân cư; kiểm tra hệ thống thu gom, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

+ Phun nước tưới đường giao thông nội bộ khu dân cư, đoạn ra vào khu dân cư nhằm giảm bụi bốc bay theo lốp bánh xe.

+ Khuyến khích các hộ gia đình trồng cây xanh nhằm điều hòa vi khí hậu trong gia đình cũng như tạo cảnh quan môi trường.

- Trách nhiệm của các hộ dân:

+ Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu vỉa hè trong phạm vi phía trước mỗi khu nhà, trồng cây xanh trong khuôn viên khu đất nhằm điều hòa vi khí hậu, tạo cảnh quan môi trường;

+ Lắp đặt hệ thống hút mùi tại khu vực nhà bếp, tắt các phương tiện giao thông của cá nhân khi không cần thiết;

+ Bổ sung chế phẩm khử mùi đối với các bể phốt xử lý nước thải sinh hoạt.

4.2.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường

- Trách nhiệm của UBND xã Quảng Ngọc:

+ Tuyên truyền, phổ biến kiến thức nhằm nâng cao nhận thức người dân về thu gom, phân loại CTR trong khu dân cư. Xử lý nghiêm các trường hợp không tuân thủ xả chất thải, gây ô nhiễm môi trường trong khu vực.

+ Định kỳ thuê đơn vị chức năng tiến hành nạo vét cống rãnh và thông báo rộng rãi cho toàn khu dân cư biết trước khi triển khai.

+ Xây dựng kế hoạch quản lý CTR cho khu dân cư phù hợp với kế hoạch quản lý CTR của địa phương.

+ Đặt biển báo cấm vứt rác bừa bãi, bỏ rác đúng nơi quy định. Hợp đồng với đơn vị dịch vụ môi trường địa phương thu gom và xử lý với tần suất 1 lần/ngày.

+ Bố trí 01 vị trí tập kết rác tạm thời tại đất xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án, gồm 6 xe thu gom rác có dung tích $0,5\text{m}^3/\text{xe}$ có nắp đậy và bánh xe đẩy đảm bảo tiêu chuẩn.

- Trách nhiệm của các hộ gia đình:

+ Các hộ gia đình khi xây nhà có trách nhiệm thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng và có biện pháp xử lý phù hợp với từng loại chất thải. Không xả chất thải gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư.

+ Các hộ gia đình tự trang bị thùng rác để thu gom, phân loại tại nguồn và tập kết rác đúng nơi quy định để đơn vị thu gom tại địa phương vận chuyển về khu xử lý rác thải tập trung với tần suất 1 ngày/lần. Nộp phí thu gom, xử lý rác theo đúng quy định của địa phương.

+ Các hộ gia đình không được xả chất thải ra khu dân cư gây ô nhiễm môi trường.

4.2.4. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại

+ *Trách nhiệm của UBND xã Quảng Ngọc:*

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức nhằm nâng cao nhận thức người dân về nhận biết, thu gom, phân loại CTNH cho người dân. Xử lý nghiêm các trường hợp không tuân thủ xả chất thải, gây ô nhiễm môi trường.

- Trang bị 6 thùng rác màu đen có nắp đậy, dán nhãn loại 110 lit bố trí tại nhà văn hoá khu dân cư để thu gom các chất thải nguy hại của khu dân cư. Tuyên truyền người dân thu gom chất thải nguy hại định kỳ đưa đến khu vực tập kết chất tập trung của xã để lưu giữ và hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý đúng quy định.

+ *Trách nhiệm của các hộ gia đình:*

Thực hiện thu gom, phân loại và định kỳ đem đến vị trí tập kết theo quy định của chính quyền địa phương.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

Căn cứ theo Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Lắp đặt hệ thống, biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, số liệu tính toán, đo đạc, các mốc toạ độ của Dự án, kiểm kê đối với các loại đất thuộc diện đền bù giải phóng mặt bằng và các tác động đối với hệ sinh thái và đa dạng sinh học khu vực Dự án và lân cận; Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, dữ liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động, ảnh hưởng bất lợi đến cảnh quan, hệ sinh thái, sản xuất nông nghiệp, hoạt động giao thông đường bộ và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án; đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường bảo đảm đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và các quy chuẩn hiện hành khác, yêu cầu của địa phương về bảo vệ môi trường.

- Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công, xây dựng; thực hiện kịp thời công tác phục hồi, hoàn trả mặt bằng tại các công trường thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng, bãi chứa vật liệu tạm, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020./.